

DOCAT

MỖI TUẦN MỘT ĐỀ TÀI - TUẦN 101

TÌNH LIÊN ĐỐI CÓ THỂ ĐI XA ĐẾN ĐÂU?



Tuần trước chúng ta đã cùng nhau học hỏi về những hàm chứa của nguyên tắc liên đới và chúng ta đã khẳng định rằng nguyên tắc liên đới hàm chứa việc khẳng định bản tính xã hội của con người. Trong tuần này, chúng ta cùng nhau chia sẻ về “giới hạn” của tình liên đới. Nói cách khác, con người là hữu thể xã hội nên sống liên đới với mọi người. Nhưng sự liên đới này đi xa đến đâu? Trong câu trả lời của DOCAT, chúng ta đọc thấy những lời sau:

Trong thế giới toàn cầu hoá, chúng ta vui vì các đường biên giới trở nên ít quan trọng hơn trước, các vùng miền trên thế giới trở nên gần nhau hơn, và giao tiếp truyền thông có thể trực tiếp. Tuy nhiên, toàn cầu hoá vẫn ẩn chứa những mối hoạ lớn: biến động kinh tế chính trị ở vùng này gây hệ quả tức thời đến dân chúng đang sống ở miền xa xôi khác. Dù nguyên tắc bổ trợ vẫn giữ nguyên giá trị, nhưng từ quan điểm đạo đức, chúng ta phải học cách suy nghĩ mở rộng ra toàn cầu. Nhiều vấn đề như nạn đại dịch, và nạn di cư ồ ạt, chỉ có thể giải quyết ở cấp độ toàn cầu, nếu chúng ta muốn đạt tới những giải pháp dài hạn, ổn thoả cho tất cả mọi người trên hành tinh trái đất này.

Câu trả lời của DOCAT có thể được chia ra làm hai phần: phần 1 nói đến vấn đề toàn cầu hoá: những lợi ích và điều hại mà toàn cầu hoá có thể mang lại; và phần 2 khẳng định tình liên đới phải mang tính toàn cầu. Chúng ta cùng nhau chia sẻ cách chi tiết hơn từng phần.

Trước tiên, chúng ta tự hỏi: Toàn cầu hoá là gì? Theo khái niệm thông dụng, toàn cầu hoá là một tiến trình mà qua đó các ý tưởng, phương tiện, vật dụng, và dịch vụ được mở rộng ra trên toàn thế giới. Toàn cầu hoá được thể hiện trong ba hình thức: kinh tế, chính trị và văn hoá. Giáo Hội luôn xem việc toàn cầu hoá là một phương tiện để giúp con người đạt đến cuộc sống tròn đầy hơn. Điều này được thể hiện qua việc những giới hạn về biên giới được mở rộng, mọi dân tộc trên thế giới được đưa lại gần nhau hơn và các giao tiếp giữa mọi người ở trên khắp thế giới được trực tiếp hơn. Đây chính là những ưu điểm mà tiến trình toàn cầu mang lại cho con người. Những biên giới, những điều mà khoảng thập niên trước tưởng như không thể nay trở nên dễ dàng trong lòng bàn tay con người.

Bên cạnh những ưu điểm, tiến trình toàn cầu hoá cũng có thể gây nên những mối hoạ về mặt chính trị, kinh tế, văn hoá và tôn giáo. Về mặt chính trị, tiến trình toàn cầu hoá có thể mang lại một lối suy nghĩ và sắp xếp mới về quyền bính, hệ quả là tạo ra một trật tự xã hội mới. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhận xét về điều này như sau: “Trong lãnh vực chính trị, những thay đổi này làm nảy sinh một quan niệm mới về xã hội và nhà nước, và do đó cả về quyền bính nữa. Một xã hội truyền thống đã biến mất trong khi một xã hội mới bắt đầu xuất hiện, được ghi dấu bằng niềm hy vọng những quyền tự do mới, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ sa vào những hình thức bất công và nô lệ mới.”¹ Về mặt kinh tế, tiến trình

¹ John Paul II, Thông Điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), số 4.



toàn cầu hoá có thể mang lại sự biến động lớn đến đời sống của những người ở miền xa xôi, nhất là những người sống theo những nghề truyền thống. Một ví dụ điển hình là những người sống dựa nghề nông nghiệp. Trước thời kỳ toàn cầu hoá, những sản phẩm họ làm ra có thể được tiêu thụ bởi dân địa phương; nhưng bây giờ, những sản phẩm được nhập khẩu từ các nước khác được bán với giá rẻ hơn. Hệ quả là sản phẩm họ làm ra không thể tiêu thụ trên thị trường. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng nhận định về vấn đề này như sau:

Trong lãnh vực kinh tế, nơi hội tụ những khám phá và ứng dụng khoa học, người ta dần dần đạt được những cơ cấu mới trong việc sản xuất của cải tiêu dùng. Người ta đã chứng kiến sự xuất hiện một hình thức tư hữu mới, tức là nguồn vốn, và một hình thức lao động mới, lao động trả lương, lao động này được xác định bằng nhịp độ làm việc cực nhọc, không lưu ý đến mọi khác biệt về phái tính, tuổi tác hay tình trạng gia đình mà chỉ căn cứ vào hiệu năng để gia tăng lợi nhuận. Như thế, lao động trở thành một món hàng có thể được tự do mua bán trên thị trường, và giá cả của nó chỉ được qui định tùy vào luật cung cầu, mà không để ý tới nhu cầu tối thiểu trong cuộc sống của người công nhân và gia đình họ. Hơn nữa, người lao động thậm chí không chắc có bán được “món hàng” của mình hay không, và họ thường xuyên bị đe dọa thất nghiệp; nếu không có xã hội bảo trợ, họ sẽ lâm vào nguy cơ chết đói.²

Về mặt văn hoá, tiến trình toàn cầu hoá có khuynh hướng thiết lập một nền “văn hoá toàn cầu,” điều này giết chết những nét văn hoá đặc trưng của từng dân tộc. Về mặt tôn giáo, việc toàn cầu hoá cũng mang lại những mối nguy hiểm đáng lo ngại cho đời sống tôn giáo vì nó giới thiệu những lối sống “không quen thuộc” với con người sống theo những tôn giáo truyền thống. Đối diện với những thách đố mà tiến trình toàn cầu hoá mang lại, Giáo Hội luôn kêu gọi mọi thành phần trên toàn thế giới lưu tâm đến bình diện đạo đức trong các mối tương quan: “Tuy nhiên, trước hiện tượng lệ thuộc nhau và bành trướng liên tục về cách thức và phương tiện truyền thông như thế, khắp nơi trên thế giới vẫn còn thấy sự bất bình đẳng sâu sắc giữa các nước đã phát triển và các nước đang phát triển, những sự bất bình đẳng do các hình thức bóc lột, đàn áp và tham nhũng gây ra, từng gây ảnh hưởng tiêu cực trên đời sống quốc nội và quốc tế của nhiều nước. Việc gia tăng các quan hệ lệ thuộc nhau giữa các cá nhân và các dân tộc cần phải được kèm theo những nỗ lực khẩn trương không kém trên bình diện đạo đức xã hội, để tránh những hậu quả nguy hại là đưa bất công lên tới cấp toàn cầu. Điều này sẽ gây những âm hưởng rất tiêu cực cả tại các nước đang có lợi thế hơn.”³

Vì sống trong thế giới đang trong tiến trình toàn cầu hoá, con người cần phải thể hiện tình liên đới với hết mọi người đang sống trên thế giới này. Điều này diễn tả bản tính xã hội của con người. Một cách cụ thể, tình liên đới được mở rộng đến đâu? Theo giáo huấn của Giáo Hội, tình liên đới đầu tiên được biểu lộ qua một đời sống công bằng trong việc phân phối của cải và trả lương lao động: “Tình liên đới biểu lộ trước tiên qua việc phân phối

² John Paul II, Thông điệp *Centesimus Annus* (01/05/1991), số 4.

³ Tóm Tắt về Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo, số 192.

cuối cùng và trải qua lao động. Tình liên đới đòi phải có một nỗ lực xây dựng trật tự xã hội công bằng hơn, trong đó những căng thẳng có thể dần hòa tốt đẹp và những xung khắc được giải quyết dễ dàng nhờ thương lượng.”⁴ Bên cạnh xây dựng một xã hội công bằng qua tình liên đới, Giáo Hội còn dạy rằng con người không chỉ liên đới với nhau trên phương diện vật chất, nhưng còn chia sẻ cho nhau những giá trị thiêng liêng: “Tình liên đới không chỉ nhằm vào cuộc sống vật chất. Khi phân phát các ân huệ thiêng liêng cuối đức tin, Hội Thánh giúp con người phát triển những lợi ích trần thế, bằng cách khai mở những con đường mới cho cuộc phát triển này. Như thế, Lời Chúa được ứng nghiệm qua dòng thời gian: “Trước hết phải tìm kiếm Nước Chúa và ăn ở ngay lành như Người đòi hỏi còn các thứ kia, Người sẽ thêm cho” (Mt 6,33).⁵

Tóm lại, “những vấn đề kinh tế xã hội chỉ có thể được giải quyết nhờ các hình thức liên đới: liên đới giữa những người nghèo với nhau, giữa giàu với nghèo, giữa những người lao động, giữa chủ và thợ, giữa các quốc gia và dân tộc. Tình liên đới quốc tế là một đòi hỏi của trật tự luân lý. Hòa bình thế giới cũng tùy thuộc một phần vào tình liên đới này.”⁶



⁴ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1940.

⁵ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1942.

⁶ Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 1941.